

TÀI LIỆU LƯU TRỮ QUỐC GIA: kỷ ức của nhà nước, tấm gương phản chiếu xã hội

PHILIPPE LE FAILLER^(*)

Tôi nhớ đến công việc nghiên cứu tài liệu lưu trữ lần đầu tiên của tôi.

Lần ấy, trên tầng cao của tòa thị chính thành phố Aix-en-Provence, một nơi có vẻ hơi bụi bặm mặc dầu rất đổi ngăn nắp, một trong hai bản sắc lệnh nổi tiếng về việc bắt buộc sử dụng ngôn ngữ tiếng Pháp ở tòa án và trong các giấy tờ công chứng do vua Francois đệ nhất ban hành năm 1539 ở Villers-Cotterêts được bảo quản hết sức cẩn thận trong tài liệu lưu trữ của thành phố. Tài liệu này có nhiều ký hiệu, xưa kia đã được gửi đến Nghị viện của tỉnh Provence và kể từ đó nó được bảo quản một cách thành kính như vậy. Cũng giống như một gian trưng bày hay một công trình tưởng niệm, tài liệu ấy chứng minh rằng giấy tờ cũng là một bộ phận của di sản quốc gia ngay cả khi chúng mỏng manh hơn các di sản khác. Lưu giữ, bảo quản cho thế hệ tương lai những tài liệu xác thực, dấu cho có xảy ra hỏa hoạn hay ngập lụt, cách mạng hay bom dội, cả nguy cơ bị lũ chuột gặm nhấm, để cho các tài liệu ấy có thể minh chứng một phần lịch sử đất nước chính là sứ mệnh của các lưu trữ viên.

Nếu mỗi người sở hữu các giấy tờ của dòng họ như những tài liệu lưu trữ cá nhân của mình thì chắc chắn rất ít trong số các bạn có dịp đến hoặc làm

việc ở các kho lưu trữ của địa phương hoặc trung ương. Ngược lại với bảo tàng, nơi mà cán bộ bảo quản là người chuyên nghiệp và khách chỉ là người yêu thích (điều này quá rõ) thì những nơi lưu trữ lại thường có hai dạng nhà chuyên môn thường xuyên lui tới: một là các lưu trữ viên, họ sắp xếp và bảo quản các tài liệu; hai là nhà nghiên cứu, thường là nhà sử học. Với họ, nghiên cứu các văn bản là một giai đoạn không thể thiếu trong công việc của mình. Tôi viết bài này với tư cách là một người sử dụng các tài liệu lưu trữ. Phần trình bày của tôi nhằm làm rõ với độc giả về các nguyên tắc chỉ đạo việc hình thành, sắp xếp và tiếp cận các tài liệu lưu trữ. Tôi cũng xin lưu ý rằng ở đây không có sự so sánh giữa Pháp và Việt Nam.

Tài liệu lưu trữ là gì?

Bên cạnh những khái niệm khác, trong luật của nước Pháp có quy định: “Tài liệu lưu trữ là toàn bộ các tư liệu, không phân biệt về ngày tháng, hình thức, cái bảo vệ chúng, được tạo ra hoặc tiếp nhận bởi tất cả mọi người về phương diện thể chất hay tinh thần, và bởi tất cả các sở, các tổ chức, cơ quan... nhà nước hay tư nhân trong việc thực

^(*) TS. Sử học, chuyên gia EFEO tại Hà Nội.

hiện các hoạt động của mình.” (Điều 1, gạch đầu dòng thứ nhất). *Đây là một định nghĩa rộng. Định nghĩa này phát triển theo một logic khá hiện đại. Nó không phân biệt về bản chất của các tư liệu là thuộc nhà nước hay tư nhân mà nó ưu tiên cho ý tưởng về di sản. Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy rằng phần lớn các tài liệu lưu trữ lại là của chung.*

Các tài liệu lưu trữ quốc gia không thể tách rời quyền lực chính trị. Chúng làm nên ký ức về các nhà cầm quyền và chính quyền. Thứ nhất là một tập hợp các tài liệu bao gồm các quyết định của những nhà lãnh đạo, nói rộng hơn đó là một khối lượng lớn các tư liệu được tạo ra từ các phòng hành chính, gồm thư từ, biên bản, chỉ thị, các bản ngân sách, hợp đồng, báo cáo. Sau một vài năm, khi các tài liệu này đã phát huy tác dụng của chúng, mặc dầu vai trò chức năng không còn được xác định nữa nhưng các tư liệu này không bị hủy bỏ vì người ta cho rằng một phần tư liệu đó minh chứng cho hoạt động của quốc gia, do đó nó chứa đựng giá trị lịch sử và văn hóa. Giá trị vượt lên trên cả chức năng tổ chức, làm cho các tư liệu này được xếp vào loại di vật và được nhà nước bảo vệ.

Các tài liệu lưu trữ quốc gia vì thế mà không thể sang nhượng và cũng không bao giờ mất hiệu lực. Điều đó thể hiện cả trong các tài liệu lưu trữ công chúng như chứng thư, biên bản. Các tài liệu này cũng thuộc sở hữu nhà nước^(*) và ngày nay việc chuyển chúng vào Lưu trữ nhà nước là điều bắt buộc trong thời gian đầu, có hiệu lực theo Bộ Luật ngày 14/3/1928 nhằm mở rộng các phòng công chúng và tránh việc hủy bỏ các tài liệu

ấy. Cuối cùng, cách thức trao đổi tài liệu không tồn tại đối với lưu trữ - nơi chỉ bo bo bảo quản chúng.

Nếu ban đầu các tài liệu lưu trữ quốc gia được định nghĩa như “ký ức của nhà nước” và vì thế mà chúng không bao giờ mất hiệu lực thì nói rộng ra chúng là toàn bộ các tư liệu liên quan đến lịch sử xã hội. Thực tế cho thấy, tuy rằng xưa kia việc lưu trữ chỉ giới hạn ở các tài liệu quan trọng bậc nhất của triều đình, nhưng ngày nay khái niệm ấy đã rộng hơn rất nhiều. Nó không có giới hạn về vở bọc hay thời gian tồn tại của tài liệu. Nếu như một bộ phận tài liệu liên quan đến hoạt động của các nhà chính trị và chính quyền thì các tài liệu lưu trữ cũng chứa đựng cả những thông tin về đời sống của những công dân. Vì vậy chúng trở thành công cụ cơ sở của lịch sử và thể hiện tất cả các mặt chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa của lịch sử ấy.

Đến nay, tài liệu lưu trữ đã mang nghĩa rộng hơn. Các tài liệu lưu trữ cá nhân góp phần ngày càng nhiều vào di sản quốc gia. Thật vậy, trong suốt thế kỷ XIX, các phong tài liệu cá nhân được đưa vào Lưu trữ nhà nước bằng “con đường đặc biệt” như mua, tặng hoặc di tặng. Quả là “một con đường độc đáo”!. Cách nói này thể hiện rõ suy nghĩ của thời kỳ đó: sự có mặt của các giấy tờ cá nhân trong kho lưu trữ quốc gia còn là ngoại lệ và chỉ có thể giải thích bằng lợi ích đặc biệt mà nó mang lại. Những tài liệu lưu trữ ấy là của các dòng họ lớn đã từng góp phần vào lịch sử nước Pháp, hoặc là của các cơ quan, xí nghiệp.

Ngày nay, với ký hiệu AP (archives personnelles -tức tài liệu lưu trữ cá nhân) người ta thấy bên cạnh các thư tín của các hoàng tử Condé và công tước Bourbon là những giấy tờ của

(*) Điều 3, đoạn 3 Điều luật ngày 3 tháng 1 năm 1979.

Deschanel, Saint-Exupéry. Với ký hiệu AQ (Archives d'entreprises -tức tài liệu lưu trữ xí nghiệp) người ta cũng thấy các giấy tờ của Compagnie universelle du canal de Panama (Công ty toàn cầu về kênh đào Panama), tài liệu lưu trữ của hãng Renault, hoặc của Nhà xuất bản Hachette.

Việc mua các phong tư liệu cá nhân là kết quả sự thừa nhận quan niệm cho rằng “tài liệu lưu trữ mang ích lợi lịch sử”. Khái niệm lợi ích quốc gia còn cao hơn cả đòi hỏi về quyền sở hữu. Vì vậy nhà nước có quyền được mua trước trong các đợt bán công khai. Điều đó cho phép các trung tâm lưu trữ của Pháp trở thành người đầu giá cuối cùng để mua được các tài liệu lưu trữ có ích lợi lịch sử. Những tài liệu này cũng có thể bị nhà nước đòi lấy và tịch thu, như trường hợp của Léonie Léon, bạn gái của Gambetta, trước khi chết, cô đã nắm giữ các giấy tờ cá nhân của người đàn ông vĩ đại này từ khi ông ta mất. Một quan niệm mới cho rằng những tài liệu lưu trữ quốc gia cá nhân cơ bản không còn bị phân biệt về bản chất nữa. Điều đó giải thích vì sao trong các kho lưu trữ nhà nước lại có những tài liệu nhất định nào đó. Đó chính là lợi ích mà tài liệu lưu trữ mang lại cho lịch sử. Vấn đề xuất xứ của chúng chỉ còn là thứ yếu. Xét về chức năng đầu tiên là ký ức của chính quyền thì khuynh hướng khoa học và lịch sử trong tài liệu lưu trữ đã thắng thế.

Sự hình thành một di sản ở nơi là ký ức

Tùy theo từng nước mà người ta gọi là Lưu trữ quốc gia hay Lưu trữ nhà nước. Các cơ quan này chịu trách nhiệm kiểm tra, chọn lựa, bảo quản và kiểm kê các phong lưu trữ được giao, đồng thời đây là một cơ quan hành chính lớn và tùy theo từng nước, nó trực thuộc các bộ

hay trực thuộc các cơ quan khác như văn phòng thủ tướng. Ở Pháp, Trung tâm lưu trữ Pháp thuộc Bộ Văn hóa. Cơ quan chỉ đạo này giám sát sự hoạt động của tất cả các kho lưu trữ nhà nước gồm: lưu trữ quốc gia, lưu trữ tỉnh, lưu trữ huyện, các phòng lưu trữ địa phương và cả lưu trữ hải ngoại (Trung tâm này quan trọng với chúng ta vì một phần ký ức về thời kỳ thuộc địa, đặc biệt là về Đông Dương được bảo quản ở đó).

Về lĩnh vực này cần phân biệt tài liệu lưu trữ thường nhật -cái tạo nên ký ức tức thời về chính quyền, và tài liệu lưu trữ xác định -cái làm nên ký ức quốc gia và là công cụ chính của nhà sử học. Khi các tài liệu lưu trữ được chuyển vào, chúng chỉ là một tập hợp các dữ liệu chưa được xử lý, cần phải được chọn lọc, thống kê và sắp xếp trước khi có thể tiếp cận tra cứu chúng. Theo nguyên tắc thật đơn giản, những công việc này tạo thành hai đầu đối lập với việc xử lý kỹ thuật bởi những người chuyên nghiệp.

Ở Pháp, thời kỳ đầu, tất cả các tư liệu của một cơ quan hay một bộ nào đó đều được bảo quản lúc đưa vào xử lý nghiệp vụ tiền lưu trữ ngay cả khi chúng đã trở nên vô ích đối với chính quyền bởi vì chúng không thể được chọn lựa nữa- nghĩa là sẽ bị hủy bỏ dần vì lý do kỳ hạn. Ví dụ: những hồ sơ của tòa án tiểu hình phải được bảo quản nguyên trạng trong vòng 50 năm, tức là 20 năm sau thời hiệu hợp pháp. Theo đó các tài liệu này trở thành những tài liệu lưu trữ trung gian. Nó không trực thuộc nơi đã tạo ra nó mà trực thuộc Lưu trữ nhà nước. Nếu việc nộp tài liệu không được thực hiện tại một trung tâm tiền lưu trữ thì chúng có thể được bảo quản ở trụ sở của chính quyền địa phương, nhưng do các lưu trữ viên trông coi và chịu trách nhiệm; hoặc chúng có thể được lựa chọn

hay sắp xếp trước. Đó là trường hợp đối với các bộ, trừ Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng. Hai bộ này có kho lưu trữ riêng. Việc nộp các tài liệu này là không thể thay đổi được. Việc lựa chọn và loại bỏ một số tài liệu sẽ được tiến hành sau khi việc lưu trữ đã được xác định và can thiệp vào kết quả các kỳ hạn.

Vai trò ký ức có tính chất tức thời hay lịch sử của các tài liệu lưu trữ chỉ có thể được thực hiện nếu chúng được tuyển chọn, lập thư mục và sắp xếp. Chọn lựa tức phải loại trừ, chọn lọc giữa những tài liệu cần thiết, tài liệu hữu ích và tài liệu phụ, rồi sàng lọc những gì thứ yếu để tận dụng cái sẽ phục vụ cho nhà sử học. Đó là điều cần thiết. Thật khó mà tưởng tượng một cơ quan nào đó lại chuyển cho lưu trữ một khối tài liệu không còn phục vụ cho mình nữa. (Pierre Nora nhắc lại trường hợp tài liệu lưu trữ của Bảo hiểm xã hội, do không được lựa chọn trước nên đã chiếm tới 300 kilômét kệ sách trong kho). Tóm lại, cần phải coi khâu chọn lọc này như một “hành động tích cực chứ không phải tiêu cực”, vì nó cho phép tiết kiệm một khoảng không gian quý giá cho các lưu trữ viên và nhất là nó phát huy được giá trị của những tài liệu hay.

Việc lựa chọn được tiến hành dưới sự bảo hộ của một ban kiểm tra, dựa theo những quy định được lập ra từ trước dựa trên bản chất của tài liệu. Tuy vậy luật pháp có thể cấm bỏ đi trọn bộ một số loại tài liệu vì người ta cho rằng chúng có một giá trị lịch sử: có thể bởi vì chúng là những tài liệu cổ, có trước một mốc thời gian nhất định (như năm 1799 ở Pháp, 1800 ở Vương quốc Anh, 1920 ở Bồ Đào Nha) hoặc bởi vì những tài liệu này có cùng tính chất là phải được bảo quản ở trung tâm lưu trữ (như các bộ luật, hiệp ước, thư từ ngoại

giao, các giấy tờ về người đứng đầu nhà nước hay các bộ trưởng của ông... Dẫu sao ngày nay cũng thật khó mà xác định tài liệu nào sẽ hữu ích cho các nhà sử học của tương lai, ngay cả đối với các lưu trữ viên. Điều đó còn khó hơn vì có thể là sẽ có những môn học mới mà phương pháp và triển vọng của chúng khác với những gì chúng ta đang làm. Vì thế sự chọn lựa đôi khi đã gây tác hại cho các nhà nghiên cứu về khoa học xã hội. Sự quan tâm đến các tài liệu khác nhau từng thời kỳ tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế, chính trị và cách suy nghĩ. Khi đã được chọn lựa, các tài liệu phải được sắp xếp có trật tự. Đó là nguyên tắc cơ bản của ngành lưu trữ. Nhưng phải tôn trọng nguồn gốc, xuất xứ của chúng vì chính xuất xứ ấy là cơ sở cho việc hình thành các phòng lưu trữ- các phòng này là những khối tài liệu liên quan chặt chẽ với nhau, được hình thành tùy theo các cơ quan đã chuyển các tài liệu lưu trữ.

Các lưu trữ viên và công vụ

Chúng ta đừng quên chức năng đầu tiên của Lưu trữ là bảo vệ các tài liệu. Jean Favier, nguyên giám đốc Cục Lưu trữ Pháp cho rằng những mối đe dọa chính đối với tài liệu lưu trữ là “nước, lửa, sự ngu ngốc và lòng tham, sự thờ ơ và sự kém nhiệt tình” (1). Nếu chúng ta có thể đề phòng được các yếu tố thuộc về tự nhiên như “nước” và “lửa” bằng cách xây dựng các kho bảo quản hợp lý, thường là kín mít, chỉ trở các ô nhỏ bởi vì ánh sáng cũng là một kẻ thù, thì yếu tố con người cùng với sự mất phẩm giá của họ vẫn còn tồn tại. “Sự ngu ngốc và tham lam” ở đây ám chỉ không ai khác ngoài những người sử dụng tài liệu, họ không ngần ngại đánh cắp hoặc làm hỏng tài liệu lưu trữ. Có những người vì say mê các hình trang trí cổ hoặc vì họ

là những nhà sưu tầm tranh vẽ minh họa, sách hay các bản viết tay của chính những người nổi tiếng đã lấy đi hoặc cắt xén các hình ảnh từ các tư liệu lưu trữ. Trong khi đó, cụm từ “thờ ơ và kém nhiệt tình” là nhằm nói đến các lưu trữ viên cầu thả và chệnh mảng trong công việc. Những người như thế không nhiều.

Ở Pháp, người lãnh đạo ưu tú trong ngành Lưu trữ phải được đào tạo qua Trường pháp điển, một trường lớn trang bị cho người học những kỹ năng để có thể thực hiện cùng lúc hai nhiệm vụ, cả hành chính lẫn khoa học. Chuyên môn của họ được nâng cao và được công nhận bởi một tấm bằng về lưu trữ và nghiên cứu chữ cổ. Nó cho phép họ tự nghiên cứu về lịch sử và xây dựng những chương trình khai thác tài liệu lưu trữ.

Các lưu trữ viên đóng vai trò người bảo quản, gìn giữ di sản lưu trữ quốc gia. Họ phải phát huy được giá trị của di sản này, đưa ra những công cụ làm việc đối với nhà nghiên cứu để họ có thể sử dụng chúng một cách tốt nhất; bởi vì trên hết, *việc bảo quản các tài liệu lưu trữ phải nhằm mục đích tiếp cận và tra cứu chúng*. Ký ức quốc gia do tài liệu lưu trữ tạo nên chỉ có thể sinh động khi các nhà nghiên cứu phát huy được giá trị của nó bằng các công trình nghiên cứu của mình. Thế nhưng các yêu cầu của việc bảo quản và tiếp cận tài liệu đôi khi thật khó dung hòa, nhất là đối với những lý do bảo vệ tài liệu. Các lưu trữ viên đôi khi có xu hướng hạn chế sự tiếp cận tra cứu tài liệu do lo lắng thái quá đến việc bảo vệ chúng, một lý do không phải lúc nào cũng có thể biện bạch được. Các tài liệu lưu trữ phải được để cho mọi công dân tiếp cận, bởi vì chúng là sở hữu của quốc gia. Vậy nên đây là nhiệm vụ mang lại lợi ích chung, và rộng hơn đây là *công vụ*.

Tài liệu của các nhà lãnh đạo

Nếu như tài liệu lưu trữ của một cơ quan hành chính thường được chuyển vào Lưu trữ nhà nước một cách dễ dàng thì những tài liệu thuộc sở hữu của những nhân vật cao cấp nhất lại không như vậy. Thực tế thì số nhân vật đứng đầu nhà nước, những người có quyền quyết định cao nhất lại dè dặt trong việc tiết lộ những tài liệu mà họ sở hữu. Về phần tác giả, chúng ta hãy thừa nhận rằng Pháp cũng như ở các nơi khác vẫn còn tồn tại một thói quen mà tác giả chiếm hữu các tài liệu công và coi nó là sở hữu của cá nhân họ. Một nguyên tắc bất thành văn là viên chức càng nắm giữ một vị trí quan trọng thì càng có quyền lực và càng có xu hướng nắm giữ các giấy tờ của nhà nước. Để giải thích cho cách làm trái luật này, người ta phân vân giữa hai cách: về mặt tình cảm, ít nhiều họ thực sự là người sở hữu các giấy tờ này, muốn xóa sạch những tài liệu làm liên lụy hoặc giữ lại một số thông tin cho bản thân. Có người muốn giữ bí mật các giấy tờ của họ bằng mọi giá cũng như muốn tránh sự phê bình từ phía các công dân.

Có nhiều ví dụ về những người đã tiến hành “tư nhân hóa các tài liệu chức năng” (2, tr.63). Ngay từ thế kỷ XVI, chính vua Francois đệ nhất đã thử đấu tranh chống lại sự thất thoát các tài liệu chính trị và hành chính khi các quan chức cấp cao hết nhiệm kỳ bằng cách thực hiện quyền phục chức, một giải pháp hiếm khi mang lại hiệu quả. Một thế kỷ sau, các Thủ tướng Colbert và Richelieu đã không bỏ các tài liệu lưu trữ của mình khi họ từ chức. Các tài liệu ấy đã bị cuốn hút vì các giấy tờ cá nhân của họ, và đã được chuyển cho gia đình họ lúc họ mất. Cũng như vậy, Winston Churchill đã thôi làm Thủ

tướng Vương quốc Anh và mang theo một số lượng lớn các tài liệu mà sau này đã được ông dùng để viết hồi ký.

Trong số các nhà lãnh đạo cấp cao của Pháp, Tổng thống Giscard d'Estaing là người đầu tiên trực tiếp chuyển các tài liệu của Điện Elysée về Cục lưu trữ Pháp. Ở đây lại nảy sinh vấn đề về lựa chọn trước tài liệu. Có vẻ khá logic khi một số hồ sơ đã bị loại bỏ để chúng không cản trở sự tiếp tục điều hành của nhà nước, nhất là những hồ sơ liên quan đến an ninh nhà nước. Trong trường hợp đó ai là người quyết định? người chuyển tài liệu: chính là “đặc quyền có thể quyết định những gì phải được bí mật” (2, tr.65).

Vì thế, hiện tượng này được tùy ý quyết định. Người ta chuyển nhiều hoặc ít, song hiếm khi những tài liệu ấy liên quan đến các “vụ việc”. Những hồ sơ về vụ Ben Barka ở Pháp hoặc Profumo ở Anh quả thật là quá ít và đáng ngạc nhiên đến nỗi dường như nó cho thấy rõ tác động tai hại của luật pháp về tài liệu lưu trữ. Nếu như luật pháp giới hạn phạm vi đối với việc tiếp cận tra cứu tài liệu thì ý muốn có được tài liệu lại trông cậy vào giai đoạn đầu của quy trình chuyển tài liệu, thậm chí chỉ để lại những giấy tờ không có chút ý nghĩa lịch sử nào. Theo quy định chung, những lỗ hổng về tài liệu này nhằm che mắt quần chúng và các đối thủ chính trị về một số điều đình hay những hoàn cảnh đưa đến một số quyết định chính trị. Từ đó ra đời một huyền thoại-huyền thoại về “các tài liệu lưu trữ bí mật”. Nói đúng ra là “các tài liệu lưu trữ bí mật, nhưng lại có những tài liệu lưu trữ công bị biển thủ. Theo một lễ thói có từ chế độ cũ, nhiều công chức đã ra đi cùng với các giấy tờ của họ” (3, tr.104-107).

Sự lôi cuốn của bí mật: điều nhà nước có thể giữ kín - bảo toàn thông tin

Một quan điểm cũ biến bí mật hành chính thành một trong những nền móng cho sự vận hành của nhà nước. Còn lại thì ở nhiều quốc gia, quy chế chung về công chức buộc các viên chức hành chính phải im lặng. Nguyên tắc là phải giữ bí mật về mọi việc, mọi thông tin, mọi hoạt động đã diễn ra hoặc nằm trong chương trình của chính quyền mà viên chức biết được trong phạm vi chức vụ của họ. Yêu cầu này là nghiêm túc và đối với các viên chức, yêu cầu phải thận trọng có vẻ như là tuyệt đối, cho dù bản chất của sự việc bị cáo giác là gì đi nữa. Chúng ta có thể đoán rằng việc áp dụng những nguyên tắc cứng rắn kia không phải là không đặt ra các vấn đề. Hơn nữa trong một nền dân chủ thì sự im lặng tuyệt đối này có thể bị lên án, chê trách. Trong khi đó về phía các cơ quan nhà nước, sự im lặng lại có vẻ được ưa thích hơn là sự thiếu thận trọng, điều có thể gây ra hiểm họa đối với những đặc quyền của họ.

Luật về sự im lặng dễ nhận thấy ở trên đã từng là đối tượng trong các cuộc phê bình gay gắt ở Pháp vào những năm 1960-1970. Nó đòi hỏi nhà nước phải trong sạch hơn, hay nói rộng ra là phải cải thiện toàn bộ các hoạt động của chính quyền. Các hội phê bình được lập ra và một loạt các luật ra đời để đơn giản hóa các mối quan hệ giữa chính quyền và người dân. Nhờ vậy việc tiếp cận một số tài liệu hành chính trong những trường hợp đặc biệt đã trở nên dễ dàng.

Bên cạnh đó, một đạo luật ban hành ngày 3/1/1979 về tài liệu lưu trữ đã tỏ rõ ý muốn thực sự của các thế lực chính trị về việc thay đổi đồng thời cả hình ảnh lẫn thực tế của chính quyền Pháp. Hệ thống được tự do hóa và kỳ hạn hợp

pháp để tiếp cận tra cứu tài liệu đã giảm từ 50 xuống còn 30 năm. Nhưng những thay đổi đó không đầy đủ. Thay vì một cuộc cách mạng như mong muốn lại là sự bành trướng của những tham vọng có tính toán hơn. Chẳng hạn như kỳ hạn 30 năm phải chịu rất nhiều ngoại lệ. Theo lệ 30 năm, kỳ hạn có khuynh hướng:

- 60 năm tính từ ngày thực thi đối với các tài liệu liên quan đến đời tư các vụ việc hoặc những tài liệu cáo giác an ninh của đất nước.

- 100 năm kể từ ngày kết thúc các hồ sơ đối với các tài liệu liên quan đến các vụ việc bị đưa ra xét xử ở tòa án, các văn bản chứng từ gốc và danh sách các công chứng viên, sổ hộ tịch và sổ đăng ký.

- Cũng 100 năm đối với các tài liệu thuộc loại điều tra, thống kê chứa đựng những thông tin về thứ tự nhân sự.

- 120 năm kể từ khi ra đời đối với các hồ sơ cá nhân (viên chức nhà nước).

- 150 năm kể từ khi ra đời đối với các tài liệu liên quan đến hồ sơ y tế.

Vô số các kỳ hạn đặc biệt (với lý do bảo vệ an ninh nhà nước, bảo vệ đời tư...) và việc xin đặc quyền để có thể tiếp cận một số tài liệu cho thấy nhà nước hiện nay vẫn đợi cơ hội để có được quyền từ chối việc công chúng tiếp cận tài liệu. Ở đây, chúng ta thấy có dấu hiệu của “quan điểm Gia-cô-banh về các giấy tờ của nhà nước” (4, tr.24). Điều đó xuất phát từ truyền thống giữ bí mật - điều làm nên nét đặc trưng của chính quyền Pháp.

Hãy nghĩ rằng nếu tài liệu lưu trữ là một thể chế được thiết lập thì việc tự do tiếp cận tra cứu chúng vẫn còn là một khái niệm mới mẻ. Ở Pháp, quyền

này đã có từ lâu vì nó đã từng được công nhận bởi một sắc lệnh ngày 7 tháng 10 năm thứ II (7 Messidor an II). Tuy nhiên sau đó, trước khi nó xuất hiện trở lại trong đạo luật năm 1979, nhiều văn bản lưu trữ đã từng bãi bỏ nó. Trong một thời gian dài việc mở cửa các trung tâm lưu trữ phục vụ nghiên cứu được coi là có hại và lời khuyên dành cho các lưu trữ viên là phải tuyệt đối thận trọng.

Nhưng xin lưu ý rằng hai quan niệm đối kháng nhau lại cùng được thừa nhận. Quyền được tiết lộ có thể đối lập với sự đa dạng về quyền được quên lãng. Một mặt, đó là quyền mà một cá nhân cảm thấy chính quyền có thể tiếp cận tra cứu tài liệu liên quan đến mình. Mặt khác chính người ấy lại không muốn tiết lộ những thông tin về cá nhân mình. Những thông tin này quá cũ và chính quyền hẳn đã giữ lại các dấu ấn của chúng. Một số người cho rằng luôn tồn tại một mâu thuẫn lớn giữa một bên là quy luật thông tin và quyền tự do công dân, “*trong đó nguyên tắc quan trọng nhất là có quyền được quên lãng*” và một bên là “*pháp luật về tài liệu lưu trữ mà lý do tồn tại của nó là quyền được lưu giữ*” (5). Việc tiếp cận các tài liệu có tính hai mặt. Một nghiên cứu gia phả học về tổ tiên rất có thể phát hiện ra một khía cạnh mà không ai biết và có thể không tốt cho tổ tiên đó, hoặc tiết lộ những bí mật không hay về một gia đình, tôi không đi sâu vào vấn đề này.

Nói một cách rộng hơn, không chỉ dừng lại ở các trường hợp cá nhân, từ bí mật gia đình đến bí mật nhà nước, khi soạn thảo luật của Pháp về việc tiếp cận tài liệu lưu trữ, các cuộc tranh luận cấp quốc hội đã diễn ra. Các cuộc tranh luận này nêu lên vấn đề của các “thời kỳ rối ren” như “thời kỳ chiếm đóng” và “thời

kỳ giải phóng”. Chính xác hơn, thời kỳ đó, quyền được quên đã được thực thi trong thời gian dài trên danh nghĩa hòa giải đất nước. Đối với những “vấn đề gây nhiều tranh cãi” và được xếp vào nhóm “không thể tiếp cận trước 60 năm” giống như những tài liệu cáo giác an ninh của nhà nước, liệu có phải dành cho chúng khái niệm về “quyền giữ bí mật” không? Các nghị sĩ phủ nhận trước chính quyền khả năng né tránh hết sức tùy tiện một số vấn đề chính trị của cuộc thảo luận công khai. Kỳ hạn 60 năm chỉ áp dụng cho các tài liệu liên quan đến an ninh của nhà nước hay ảnh hưởng tới việc tôn trọng đời tư. Kỳ hạn ấy không tồn tại trừ phi khái niệm “an ninh nhà nước” đủ mở rộng để cho phép giữ bí mật một số tài liệu. Thật vậy, ngày nay kỳ hạn 30 năm hẳn phải cho phép người ta tiếp cận phần lớn các tài liệu về chiến tranh Algérie, hướng chỉ các tài liệu này lại liên quan đến chiến tranh Thế giới II và chế độ Vichy. Sự thật buộc phải nói rằng trên thực tế, vấn đề này phức tạp hơn đôi chút.

Những tài liệu cáo giác an ninh của đất nước đã được một sắc lệnh cụ thể của Hội đồng Nhà nước (Conseil d'État) xác định. Thứ nhất, đó là tài liệu lưu trữ về các nhân vật quan trọng của Nhà nước (như tổng thống, thủ tướng) bất kể bản chất và các nội dung của các tài liệu ấy là gì. Tiếp đến là những tài liệu có nội dung mật: hồ sơ thuế khóa và công sản, các tài liệu lưu trữ của Sở cảnh sát quốc gia, báo cáo tổng thanh tra của các bộ, các cuộc đàm phán tài chính, tiền tệ và thương mại với nước ngoài, các cuộc thăm dò và khai thác mỏ, những tổn thất chiến tranh. Cuối cùng là tài liệu lưu trữ của Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại

giao được xếp vào loại “bí mật quốc phòng” và “bảo mật”.

Vì thế, có thể chúng ta sẽ ngạc nhiên khi một phần không thể bỏ qua các tài liệu lưu trữ liên quan đến chiến tranh Algérie cũng được xếp vào loại “không thể tiếp cận trước 60 năm”, vì cuối cùng thì từ nay Algérie là một nước độc lập. Vậy ở đây người ta nói đến “an ninh của nhà nước” nào? Vào cuối những năm 1980, cá nhân tôi đã từng tham gia vào việc phân loại mục “an ninh của nhà nước” các tài liệu này. Rốt cuộc, cô lưu trữ viên trẻ đã thi hành theo đúng luật định, đã tuyệt đối tuân theo nguyên tắc thận trọng và tự đưa thêm “30 năm im lặng”. Khi đó sự phản kháng dù vô ích nhưng mãnh liệt của các nhà sử học vấp phải một nguyên tắc cứng rắn: một khi đã phân loại, các tài liệu không bao giờ bị xáo trộn, nhưng tùy trường hợp có thể xem được nếu ngoại lệ.

Tóm lại, hãy hình dung các tư liệu về nhà nước cho phép nhà sử học thiết lập lại quá trình đi đến các quyết định của nhà nước. Tuy nhiên, ý nghĩ ấy chỉ đúng khi mà nhà nước là trung tâm thực sự của quyền lực, là nơi nắm giữ các quyết định. Nhưng ở một số quốc gia, nhà nước chỉ là một cỗ máy chịu trách nhiệm thi hành những chính sách đã được quyết định bởi các tổ chức chính trị khác nhau. Vì vấn đề đặt ra ở đây là sự tiếp cận các tài liệu lưu trữ của Đảng, chẳng hạn như trong chế độ một Đảng, Đảng ấy chỉ là đảng duy nhất cho phép người ta tìm hiểu về cội nguồn, gốc gác của mình. Các tài liệu lưu trữ của Đảng vì thế có thể đưa vào định nghĩa chung và quy về tài liệu lưu trữ của nhà nước. Các tài liệu ấy làm nên một phần

rất quan trọng, thậm chí là cốt yếu về ký ức chính trị của quốc gia. Nếu như Đảng không có ý định chuyển các tài liệu của mình vào Lưu trữ quốc gia mà giữ chúng cho mình một cách hợp pháp thì những tài liệu “chính thức” đó dù không còn là tài liệu lưu trữ của nhà nước nữa cũng không cho phép người ta có một cái nhìn gián đoạn, rời rạc về lịch sử của đất nước.

Một trường hợp đặc biệt: lưu trữ thời Pháp thuộc

Chúng ta đã đề cập đến việc xử lý các tài liệu hành chính được lập ở Pháp, bây giờ chúng ta hãy nói đến công việc đó đối với các tài liệu lưu trữ thuộc địa, một trường hợp hơi đặc biệt. Thực ra, chính sách phi thực dân hóa là dịp để các nhà nước xác định đâu là những tài liệu lưu trữ thuộc về các quốc gia khác nhau có liên quan. Giữa nước thuộc địa và chính quốc, nhiều mối liên hệ chặt chẽ được tạo ra trong suốt quá trình thực dân, đã từng phải xác định xem những tài liệu khác nhau đó sẽ thuộc về bên nào. Những tài liệu này vừa có ở chính quốc lại vừa có ở nước thuộc địa, vì tài liệu lưu trữ bản xứ và của chính quốc bổ sung cho nhau rất nhiều. Tất nhiên là cuối cùng những tư liệu này minh chứng cho một lịch sử chung của cả hai. Chỉ một phần các tài liệu lưu trữ hải ngoại được đưa về Pháp nhằm dung hòa nhu cầu của các nhà nước mới và quyền lợi của Pháp đối với “*một di sản lưu trữ, di sản đó tương ứng với một chương của lịch sử nước này*”. Luôn phải tính đến khái niệm công dụng của tài liệu lưu trữ, tức là đối với nhà nước mới (chính quyền địa phương) cần phải bảo quản tài liệu lưu trữ của mình về quản lý để tiếp tục các công việc hiện tại.

Nguyên tắc như sau:

Đưa về Pháp tất cả các tài liệu lưu trữ có nội dung là những chỉ dẫn về trật tự chính trị, ngoại giao, tài chính; những gì hình thành nên phong lưu trữ về chủ quyền. Tài liệu lưu trữ chính quốc gồm giấy tờ ngoại giao, hoặc liên quan đến chiến tranh, hải quân, thương mại, chính quyền cấp cao.

Bỏ lại tài liệu lưu trữ về quản lý. Tài liệu lưu trữ bản địa gồm toàn bộ tài liệu cho phép phác họa nên một bức tranh về nước thuộc địa, về dân số và sự phát triển của nước đó như: dân sự, hành chính trong nước, số liệu thống kê...

Tất nhiên là những tài liệu lưu trữ này có điểm gặp nhau và bổ sung cho nhau.

Trường hợp về Đông Dương là ví dụ điển hình. Việc phân chia bắt đầu từ năm 1950. Các tài liệu lưu trữ về hành chính của Pháp trước khi thành lập Liên minh Đông Dương (1887), về nội các và Phủ toàn quyền, một phần của phong Thống sứ (Trung kỳ, Bắc kỳ, Nam kỳ, Lào, Campuchia), phong Thống đốc Nam kỳ, tài liệu lưu trữ về tòa án Pháp, dân sự Pháp và nhân sự thuộc quyền sở hữu của Pháp. Tức mọi tài liệu lưu trữ mang tính chính trị, ngoại giao, cá nhân hoặc quân sự: còn gọi là “*tài liệu lưu trữ về chủ quyền*”. Ngược lại, tất cả những tài liệu cần thiết cho sự vận hành bộ máy hành chính của nước bản địa được giao cho cơ quan lưu trữ của các nước mới độc lập: đó là “*tài liệu lưu trữ về quản lý*”, gồm giấy tờ về hải quan, về các công trình công cộng, về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội...

Tài liệu lưu trữ đã trả về Pháp hiện được lưu giữ tại Trung tâm lưu trữ hải

ngoại ở Aix-en-Provence. Chúng được bổ sung thêm cả tài liệu về Bộ Thuộc địa cũ. Về mặt nào đó, những tài liệu này tạo nên một mối liên hệ thực sự trong cộng đồng Pháp ngữ giữa Pháp và các thuộc địa cũ của nước này. Thực ra thì gần 50 năm nay, sau khi châu Phi tiến hành phi thực dân hóa ô ạt, nhiều nhà nghiên cứu của các nước Mali, Tunisie hay Mauritanie và nhiều nước khác đều đến Trung tâm lưu trữ hải ngoại để tra cứu các tài liệu này. Chúng là nơi lưu giữ một ký ức chung cả đối với các nước thuộc địa lẫn các nước thực dân trước đây. Các nhà sử học Việt Nam, Algérie hay Madagascar cũng vậy, họ thường xuyên cộng tác với các đồng nghiệp Pháp, trao đổi những kết quả mà họ đã tìm kiếm được trong các phong lưu trữ khác nhau. Nếu các nhà nghiên cứu hợp tác với nhau, thì các nhà lưu trữ cũng vậy, trong khuôn khổ bàn tròn quốc tế, kể cả trong phạm vi của các nhà nước, qua các chương trình hợp tác và tài trợ.

Tiếp cận tra cứu sử dụng tài liệu lưu trữ

Vấn đề tiếp cận tra cứu sử dụng tài liệu lưu trữ là trọng tâm của các nguyên tắc về lưu trữ. Quyền tiếp cận các tài liệu này là quyền được thừa nhận. Ở Pháp cũng như ở hầu hết các nước, kèm theo quyền này là các biện pháp hành chính để bảo đảm tính hiệu quả của nó và các biện pháp hình sự để bảo vệ những tài liệu được sử dụng. Nếu các kho lưu trữ hạn chế việc tiếp cận tra cứu sử dụng tài liệu lưu trữ, chính là vì phụ thuộc vào các qui định cụ thể. Các qui định này căn cứ trước tiên đến việc bảo vệ tài liệu và không tranh cãi khái niệm “*công chúng được phép tiếp cận*” bởi vì về mặt lý thuyết, *cảm đoán là trường hợp ngoại lệ và tiếp cận tra cứu sử dụng tài liệu là nguyên tắc*. Thực tế,

ở Pháp cũng như ở Mỹ, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Canada và nhất là ở Australia, không có niên hạn cho việc tiếp cận tra cứu sử dụng tài liệu lưu trữ, chỉ có những thời hạn đặc biệt đối với những tài liệu có tính đặc thù. Không phải ở đâu cũng vậy: ở Vatican, chỉ được tra cứu tài liệu lưu trữ trước năm 1903, bất kể là thể loại hay nội dung của tài liệu đó thế nào. Lưu ý là một số nước không thực hiện theo thời hạn do luật qui định mà cho phép tiếp cận tra cứu sử dụng tài liệu tùy thuộc vào đề tài nghiên cứu, theo từng trường hợp cụ thể; ở đây, khái niệm “*công chúng được phép tiếp cận*” có thể được bàn luận đến.

Hiện nay ở Pháp, tài liệu lưu trữ gần như dành cho mọi đối tượng, chỉ cần xuất trình chứng minh thư, việc sử dụng các thông tin thu thập được không bị hạn chế gì. Việc nhiều nhà nghiên cứu đổ xô đến đây được coi như một thành công đối với ngành lưu trữ và chứng tỏ rằng loại hình di sản văn hóa này đã thực sự được dân chủ hóa, bởi vì nó không chỉ còn dành riêng cho những nhà nghiên cứu của các trường đại học và các nhà sử học.

Sẽ rất ngạc nhiên khi chúng ta biết rằng các nhà nghiên cứu nghiệp dư cũng nhiều như những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, người về hưu đông hơn cả người đang làm việc và các nhà gia phả học, các người nghiệp dư luôn là những độc giả chiếm đông nhất. Ở Pháp cũng như nhiều nước Tây Âu khác, nghiên cứu gia phả đã tăng với tỉ lệ khá ấn tượng. Vì thế, “*dân chủ hóa*” ở một hoạt động giải trí và mang tính trí thức, tìm về quá khứ, tìm lại nguồn gốc gia đình đã trở thành một hiện tượng trào lưu thực sự. Chắc chắn với một số người, trào lưu đó thỏa mãn nhu cầu đồng nhất

cả với quốc gia, một cách khiêm tốn điều đó thuộc về lịch sử-, cả với quê hương mình từ nhiều thế hệ nay thuộc cùng một cộng đồng. Người ta đến lưu trữ để tìm lại dấu tích của tổ tiên, dù nổi tiếng hay không, nhưng trước một tài liệu chính thời kỳ đó, người ta nhận thấy có “cảm giác hồn nhiên, thoáng qua, bất gặp thực tại” (6, tr.14), điều mà một tài liệu microfilm không bao giờ tạo ra được.

Ngày càng có nhiều người đến lưu trữ. Người ta nhận thấy số lượng độc giả ở các trung tâm lưu trữ của Pháp đã tăng lên 15 lần trong vòng 20 năm. Số tài liệu được tra cứu cũng vậy, thậm chí còn nhiều hơn.

Sự bùng nổ ở cấp đại học được nêu ra đầu tiên ở đây: số sinh viên tăng lên, kéo theo các luận án và bằng cử nhân về sử học, địa lý, luật, cả xã hội học tăng lên cấp số nhân. Chúng đều cần đến các tài liệu lưu trữ. Hơn nữa, làm luận văn tốt nghiệp đại học như vậy đòi hỏi phải tìm đầy đủ toàn diện các phong tài liệu. Vì thế, vô số tài liệu được tra cứu.

Sự phát triển trong nghiên cứu sử học ngày càng chú ý đến mảng lịch sử cơ cấu kinh tế-xã hội, dẫn đến phải tìm hiểu kỹ các tài liệu thống kê. Đó chính là các phong tài liệu đồ sộ, trước nay ít được khai thác (bảo hiểm xã hội, thống kê, môi trường làm việc...).

Các phương pháp làm việc theo nhóm được cải tiến và phổ biến, cho phép làm việc nhanh hơn và vì thế thúc đẩy nhu cầu về tài liệu nhiều hơn.

Sử dụng các kỹ thuật tin học ngày càng thông dụng để vận dụng các kết quả tìm kiếm tài liệu lưu trữ.

Nhưng tất cả đâu chỉ đơn giản như thế. Việc nghiên cứu ở các trung tâm lưu trữ cần thời gian và tính năng động. Phải tra cứu mọi tài liệu, cho dù chúng có thuộc lĩnh vực khoa học hay không, mà thường thì chúng nằm ở nhiều kho khác nhau (CARAN, AOM, Quai d'Orsay, tài liệu lưu trữ về làng xã, về các tỉnh thành...), kể cả ở các nước khác.

Tuy nhiên lâu nay còn tồn tại một số vấn đề liên quan đến số lượng tài liệu được lấy ra, thường là rất ít, do thiếu phương tiện và nhân viên. Chẳng hạn tại Trung tâm lưu trữ hải ngoại ở Aix-en-Provence, một ngày chỉ được phép tra cứu 8 tài liệu: tập, hộp, sổ hay bản đồ. Trong khi người nghiên cứu đi từ xa đến, người ta muốn xem được nhiều tài liệu nhất trong một khoảng thời gian ngắn nhất. Đồng thời, người đó còn cần chụp được những tài liệu mà họ đặc biệt quan tâm và họ không thể phân tích chúng ngay tại đó được. Họ không được phép đến đọc vào những ngày nghỉ cuối tuần. Chắc chắn họ không thể sử dụng thời gian của mình một cách hữu ích nhất. Thực ra họ không thể làm việc trên một số lượng lớn các bộ tài liệu để làm các thống kê. Như vậy, một số chuyên gia ngành như nhân khẩu học lịch sử, lịch sử kinh tế-xã hội... gặp bất lợi. Còn sao chụp ư, người ta biết rằng việc đó làm hư hỏng tài liệu, nên họ can ngăn những ai đang ngập ngừng, đồng thời hạn chế số lượng sao chụp và cố tình đưa ra giá quá cao. Việc đọc giả sử dụng máy ảnh kỹ thuật số đang cách mạng hóa các cách làm lâu nay. Nguyên tắc trước tiên là nếu đọc giả có thể tìm hiểu một tài liệu và sao chụp lại nó, tại sao lại không cho họ chụp ảnh? Dù sao ở một số trung tâm và một số nước, nguyên tắc này chưa được chấp nhận.

Kết luận

Tài liệu lưu trữ là một yếu tố và công cụ chủ yếu đối với tính đồng nhất của quốc gia. Công chúng còn hiểu quá ít về chúng. Để sử dụng những phong tài liệu này một cách tốt nhất, nhất thiết phải đào tạo nhân sự, đồng thời lập thư mục cho phép độc giả tiện tra cứu.

Các trung tâm lưu trữ, cũng như bảo tàng và thư viện, phải tham gia vào đời sống văn hóa, nhưng không thể vì thế mà đánh mất đặc trưng riêng của mình. Quả thực, các trung tâm này trước hết luôn là nơi lưu giữ ký ức, nơi mà mỗi người phải tìm được chứng tích về lịch sử của chính bản thân và của dân tộc mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean Favier. Le patrimoine archivistique de la France à l'aube de l'an 2000 (Di sản lưu trữ của Pháp từ buổi đầu đến năm 2000).
2. Jean Laveissiere. Le pouvoir, ses archives et ses secrets (Quyền lực, tài liệu lưu trữ và những bí mật của nó) (về vụ các máy bay đánh hơi thấy dầu khí), trong tuyển tập Dalloz-Sirey, Biên niên sử, quyển thứ 11, 1984).
3. Pierre Assouline. Les archives secrètes existent-elles? (En: L'Histoire). Có tồn tại tài liệu lưu trữ quốc gia bí mật?. Trong: *Tạp chí Lịch sử*, số 54, tháng 3/1983.
4. Louis Fougere. Les secrets de l'Administration (en: Bulletin de l'Institut International d'Administration Publique). Những bí mật của chính quyền. Trong: *Tập san của Viện Hành chính công quốc tế*, 1967, số 4.
5. Jean Le Pottier. Tiếp cận tra cứu các tài liệu nhà nước thời hiện đại. Krysztof Pomian dẫn trong *Tài liệu lưu trữ*, sách đã dẫn.
6. Arlette Farge. Le gout de l'archive, collection: La Librairie du XX siècle (Thú say mê lưu trữ, sưu tập trong *Tủ sách thế kỷ XX*). Seuil: tháng 9/1989.